**Danh sách thông báo về dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,   
thực vật của các thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/10-20/11/2022**

1. **Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt nội dung** |
| 1 | G/SPS/N/BRA/2114 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 18/11/2022 | Chỉ thị Quy phạm số 160, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Hướng dẫn quy phạm thiết lập các giới hạn cho phép tối đa (LMT) của các chất gây ô nhiễm trong thực phẩm.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung và đã được tái bản và sửa đổi vào ngày 19 tháng 10 năm 2022. Văn bản được tái bản chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/instrucao-normativa-in-n- 160-de-1-de-julho-de 2022-\*-437622167  Văn bản đính chính chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao-437519432.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 2 | G/SPS/N/BRA/2113 | ATTP | Bra-xin | 18/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 728, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này bao gồm các điều khoản về enzym và các chế phẩm enzym để sử dụng làm chất hỗ trợ công nghệ trong quá trình sản xuất thực phẩm dành cho con người.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung và đã được sửa đổi vào ngày 20 tháng 10 năm 2022. Văn bản đã sửa đổi chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao 437616860.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT |
| 3 | G/SPS/N/BRA/2112 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 18/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 722, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này bao gồm các quy định về giới hạn tối đa cho phép (LMT) của các chất nhiễm bẩn trong thực phẩm, các nguyên tắc chung cho thiết lập và các phương pháp phân tích nhằm mục đích đánh giá sự phù hợp.  Dự thảo Nghị quyết này đưa vào khung pháp lý quốc gia:  I - Nghị quyết GMC/MERCOSUR số 103, ngày 15 tháng 12 năm 1994;  II - Nghị quyết GMC/MERCOSUR số 25, ngày 20 tháng 6 năm 2002;  III - Nghị quyết GMC/MERCOSUR số 12, ngày 17 tháng 7 năm 2011; và  IV - Nghị quyết GMC/MERCOSUR số 18, ngày 13 tháng 10 năm 2021.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung.  Nghị quyết này đã được đính chính vào ngày 19 tháng 10 năm 2022. Văn bản có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao 437519432.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT |
| 4 | G/SPS/N/BRA/2111 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Bra-xin | 18/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 727, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này quy định về ghi nhãn thực phẩm bao gói và đưa vào khung pháp lý quốc gia Nghị quyết GMC/MERCOSUR số 26, ngày 10 tháng 12 năm 2003  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung, được tái bản vào ngày 19 tháng 10 năm 2022. Văn bản được tái bản chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/resolucao-rdc-n-727-de-1 -de julho-de-2022-\*-437519152.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT |
| 5 | G/SPS/N/BRA/2110 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Bra-xin | 18/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 724, ngày 01 tháng 7 năm 2022. | Nghị quyết này bao gồm các điều khoản về các dạng vi sinh vật của thực phẩm và ứng dụng của chúng.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung, được sửa đổi vào ngày 20 tháng 10 năm 2022. Văn bản được sửa đổi chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao 437616702.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT |
| 6 | G/SPS/N/BRA/2109 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Bra-xin | 18/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 719, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này quy định các yêu cầu vệ sinh đối với thực phẩm hỗn hợp và thực phẩm ăn liền.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung, được sửa đổi vào ngày 20 tháng 10 năm 2022. Văn bản đã sửa đổi chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao 437619247.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 7 | G/SPS/N/BRA/2108 | BVTV | Bra-xin | 18/11/2022 | Chỉ thị Quy phạm số 159, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Hướng dẫn quy phạm này thiết lập danh sách các bộ phận/thành phần của thực vật được phép dùng để làm trà và gia vị.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung, được sửa đổi vào ngày 19 tháng 10 năm 2022. Văn bản đã sửa đổi chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao 437616544.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 8 | G/SPS/N/BRA/2107 | BVTV, CT | Bra-xin | 18/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 712, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này bao gồm các điều khoản về thành phần và yêu cầu ghi nhãn đối với thực phẩm có chứa ngũ cốc và kiều mạch để phân loại và xác định là ngũ cốc nguyên hạt và để làm nổi bật sự hiện diện của các thành phần nguyên hạt.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung, được sửa đổi vào ngày 19 tháng 10 năm 2022. Văn bản đã sửa đổi chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao 437519348.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 9 | G/SPS/N/BRA/2106 | BVTV | Bra-xin | 18/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 716, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này bao gồm các điều khoản về các yêu cầu vệ sinh của cà phê, lúa mạch, trà, yerba mate, gia vị, gia vị và nước sốt.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung, được sửa đổi vào ngày 19 tháng 10 năm 2022. Văn bản đã sửa đổi chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao 437519117.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 10 | G/SPS/N/BRA/1567 /Add.3 | ATTP | Bra-xin | 18/11/2022 | Chỉ thị Quy phạm số 75, ngày 8 tháng 10 năm 2020 | Chỉ thị Quy chuẩn số 75, ngày 8 tháng 10 năm 2020 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/1567/Add.2 được sửa đổi hai lần. |
| 11 | G/SPS/N/BRA/1566 /Add.3 | ATTP | Bra-xin | 18/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 429, ngày 8 tháng 10 năm 2020 | Nghị quyết - RDC số 429, ngày 8 tháng 10 năm 2020 - được thông báo trước đây qua G/SPS/N/BRA/1566/Add.2 - đã được sửa đổi. |
| 12 | G/SPS/N/BDI/29,  G/SPS/N/KEN/182,  G/SPS/N/RWA/22,  G/SPS/N/TZA/215,  G/SPS/N/UGA/224 | BVTV | Kenya | 18/11/2022 | DEAS 1110:2022, Đặc điểm kỹ thuật - ketchup rau và trái cây. Ấn bản lần thứ nhất | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với chutney trái cây và/hoặc rau dành cho con người. |
| 13 | G/SPS/N/BDI/28,  G/SPS/N/KEN/181,  G/SPS/N/RWA/21,  G/SPS/N/TZA/214,  G/SPS/N/UGA/223 | BVTV | Tanzania | 18/11/2022 | DEAS 1109:2022,— Đặc điểm kỹ thuật - ketchup trái cây và rau củ. Ấn bản bản lần thứ nhất. | Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với chutney trái cây và/hoặc rau dành cho con người làm gia vị và nguyên liệu cho thực phẩm. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho ketchup cà chua vì nó được đề cập trong EAS 66-2. |
| 14 | G/SPS/N/BDI/27,  G/SPS/N/KEN/180,  G/SPS/N/RWA/20,  G/SPS/N/TZA/213,  G/SPS/N/UGA/222 | BVTV, CT | Uganda | 18/11/2022 | DEAS 1108:2022, Trái cây lát và khoai tây chiên giòn — Đặc điểm kỹ thuật. Ấn bản lần thứ nhất. | Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trái cây vụn và khoai tây chiên giòn được chế biến bằng cách chiên ngập dầu hoặc nướng để ăn trực tiếp hoặc để chế biến tiếp. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho trái cây sấy khô hoặc khoai tây chiên giòn được sản xuất bằng quy trình sấy khô áp dụng các tiêu chuẩn khác. |
| 15 | G/SPS/N/BDI/26,  G/SPS/N/KEN/179,  G/SPS/N/RWA/19,  G/SPS/N/TZA/212,  G/SPS/N/UGA/221 | BVTV, CT | Burundi | 18/11/2022 | DEAS 1107:2022, Quy phạm thực hành sản xuất, xử lý và chế biến rau quả sấy khô. Ấn bản lần thứ nhất. | Quy phạm thực hành này áp dụng cho trái cây và rau củ được làm khô bằng phương pháp tự nhiên hoặc nhân tạo hoặc kết hợp cả hai. Mã này không áp dụng cho rau quả thường được gọi là "rau quả khử nước" có độ ẩm không quá 5 %. |
| 16 | G/SPS/N/TZA/211 | CT | Tanzania | 17/11/2022 | AFDC 04(1456)DTZS, Thông số kỹ thuật - Dầu hạt cải ăn được | Tiêu chuẩn Tanzania này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với dầu hạt mù tạt có nguồn gốc từ hạt của cây mù tạt trắng (*Sinapis alba* L. hoặc *Brassica hirta Moench*), mù tạt nâu và vàng (*Brassica juncea* (L.) *Czernajew và Cossen*) và của mù tạc đen (*Brassica nigra* (L.) *Koch*) dùng làm thực phẩm cho người. |
| 17 | G/SPS/N/TZA/210 | CT | Tanzania | 17/11/2022 | AFDC 04(1457)DTZS, Thông số kỹ thuật- Dầu hạt lanh ăn được (Linseed) | Tiêu chuẩn Tanzania này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với dầu hạt lanh (Linseed) có nguồn gốc từ hạt của các loài *Linum usitatissimum* được trồng khác nhau dành cho con người. |
| 18 | G/SPS/N/NPL/38 | BVTV, CT | Nepal | 16/11/2022 | Đề xuất tiêu chuẩn cho gạo tăng cường vi chất dinh dưỡng | Cục Quản lý chất lượng và Công nghệ thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Chăn nuôi đề xuất tiêu chuẩn chất lượng gạo tăng cường vi chất dinh dưỡng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm tại thị trường trong nước và tạo thuận lợi cho thương mại công bằng. |
| 19 | G/SPS/N/CAN/1464 | ATTP | Canada | 16/11/2022 | Thông báo đề xuất cho phép sử dụng bổ sung i-ốt trong thực phẩm | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn về i-ốt, đánh giá kết luận rằng thông tin về chế độ ăn uống và dinh dưỡng hỗ trợ sự an toàn của i-ốt khi sử dụng nó như một thành phần bổ sung. I-ốt không gây ra bất kỳ lo ngại nào về an toàn hoặc dinh dưỡng khi được sử dụng như một thành phần bổ sung theo các điều kiện sử dụng được nêu trong tài liệu đề xuất.  Do đó, Bộ Y tế Canada đang đề xuất cho phép sử dụng thành phần bổ sung này như được trình bày trong tài liệu. |
| 20 | G/SPS/N/BRA/2105 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 16/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1118, ngày 6 tháng 10 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết này đưa các hoạt chất A26 - Azoxystrobin, B26 - bifenthrin, C05 - carboxin, C10 - cypermethrin, D21 - diquat, E33 - spiropidion, F62 - flonicamid, M52 - mefentrifuconazol, M53 - metamifop, O21- oxathiapiproline , P13 - profenophos, P17 - propargite, P46 - pyraclostrobin, T16 - tiram vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). |
| 21 | G/SPS/N/BRA/2104 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 16/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1119, ngày 6 tháng 10 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất P69: pinoxadem vào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). |
| 22 | G/SPS/N/BRA/2103 | ATTP | Bra-xin | 16/11/2022 | Chỉ thị Quy phạm số 161, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Hướng dẫn quy phạm này thiết lập các mô hình vi sinh của thực phẩm.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 23 | G/SPS/N/BRA/2102 | BVTV | Bra-xin | 16/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 726, ngày 01 tháng 7 năm 2022. | Nghị quyết này có các quy định về yêu cầu sức khỏe đối với nấm ăn, sản phẩm quả và sản phẩm rau.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 24 | G/SPS/N/BRA/2101 | ATTP | Bra-xin | 16/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 725, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này có quy định về hương liệu phụ gia thực phẩm.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 25 | G/SPS/N/BRA/2099 | ATTP | Bra-xin | 16/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 720, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này bao gồm các điều khoản về yêu cầu sức khỏe của thực phẩm biến đổi dinh dưỡng.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT |
| 26 | G/SPS/N/BRA/2097 | ATTP | Bra-xin | 16/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 715, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này bao gồm các quy định về yêu cầu vệ sinh đối với muối natri thấp, thực phẩm để kiểm soát cân nặng, thực phẩm dành cho chế độ ăn hạn chế chất dinh dưỡng và thực phẩm dành cho chế độ ăn kiêng có kiểm soát lượng đường.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 27 | G/SPS/N/BRA/2096 | CT, BVTV | Bra-xin | 16/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 711, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này bao gồm các điều khoản về yêu cầu sức khỏe của tinh bột, bánh quy, ngũ cốc nguyên hạt, ngũ cốc chế biến, cám, bột mì, bột mì nguyên cám, mì ống và bánh mì.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 28 | G/SPS/N/BRA/2095 | CT | Bra-xin | 16/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 713, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này bao gồm các điều khoản về yêu cầu sức khỏe của tinh bột, bánh quy, ngũ cốc nguyên hạt, ngũ cốc chế biến, cám, bột mì, bột mì nguyên cám, mì ống và bánh mì.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT |
| 29 | G/SPS/N/BRA/2094 | ATTP | Bra-xin | 16/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 714, ngày 1 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này bao gồm các điều khoản về các yêu cầu vệ sinh đối với việc làm giàu, phục hồi thực phẩm.  Nghị quyết này là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, không thay đổi nội dung.  Quy định này cũng sẽ được thông báo trong Ủy ban TBT. |
| 30 | G/SPS/N/BRA/2093 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 16/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1121, ngày 27 tháng 10 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất R04: rheum palmatum và R04.1-hydroethanol chiết xuất từ rheum palmatum vào danh mục chuyên khảo các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, do Hướng dẫn quy phạm công bố số 103 - Ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). |
| 31 | G/SPS/N/BRA/2092 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 16/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1122, ngày 27 tháng 10 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất A18 – ABAMECTIN, C02 – CAPTANA, C40 –CHLORFENAPIR, C63 – LAMBDA-CYLOTHRIN, C70 –CHLORANTRANILIPROLE, C74–CYANTRANILIPROLE, D27 –2.4–D, D41–DIAFENTIUROM, F37 – PHENPYROXIMATE, G05.1 –AMMONIUM GLUFOSINATE, I10 – IMAZETAPIR, I13 –IMIDACLOPRIDE, L05 – LUFENUROM, M02 - MANCOZEBE, M17 –METOMYL, P50 – PICOXYSTROBIN, P53 – PROTHIOCONAZOLE vào danh sách chuyên khảo về thành phần Hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). |
| 32 | G/SPS/N/BRA/2091 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 14/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1124, ngày 3 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất A70 - anisopteromalus calandrae vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được đăng bởi Hướng dẫn Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). |
| 33 | G/SPS/N/BDI/25,  G/SPS/N/KEN/178,  G/SPS/N/RWA/18,  G/SPS/N/TZA/209,  G/SPS/N/UGA/220 | CT | Uganda | 14/11/2022 | DEAS 77:2022, Đặc điểm kỹ thuật - Đồ uống trái cây, Ấn bản lần thứ ba. | Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đồ uống ở dạng uống liền hoặc đồ uống pha loãng có chứa nước trái cây.  Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các loại sản phẩm và tiêu chuẩn khác bao gồm:  a) nước quả và mật hoa;  b) nước rau và mật hoa;  c) nước giải khát có hương vị. |
| 34 | G/SPS/N/BDI/24,  G/SPS/N/KEN/177,  G/SPS/N/RWA/17,  G/SPS/N/TZA/208,  G/SPS/N/UGA/219 | CT, BVTV | Tanzania | 14/11/2022 | DEAS 1106: 2022, Đặc điểm kỹ thuật - Bột chuối, Ấn bản lần thứ nhất | Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột chuối và chuối xanh/chưa chín dùng làm thức ăn cho người hoặc sử dụng cho mục đích khác trong công nghiệp thực phẩm. |
| 35 | G/SPS/N/BDI/23,  G/SPS/N/KEN/176,  G/SPS/N/RWA/16,  G/SPS/N/TZA/207,  G/SPS/N/UGA/218 | CT | Rwanda | 14/11/2022 | DEAS 948: 2022, Đặc điểm kỹ thuật - Nước ép trái cây, nước trái cây nghiền nhuyễn, mật hoa, Ấn bản lần thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với nước ép trái cây, cùi, mật hoa và trái cây xay nhuyễn và trái cây xay nhuyễn cô đặc dành cho người tiêu dùng trực tiếp hoặc để chế biến thêm.  Tiêu chuẩn này cũng áp dụng cho các loại nước quả sau:  a) Nước quả cô đặc;  b) Nước từ quả cô đặc;  c) Nước quả ép;  d) Nước quả đã tách nước; và  e) Nước hoa quả dạng bột. |
| 36 | G/SPS/N/BDI/22,  G/SPS/N/KEN/175,  G/SPS/N/RWA/15,  G/SPS/N/TZA/206 G/SPS/N/UGA/217 | CT, BVTV | Burundi | 14/11/2022 | DEAS 946: 2022, Đặc điểm kỹ thuật - Quả khô, Phiên bản thứ hai | Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trái cây sấy khô dùng làm thực phẩm trực tiếp cho con người hoặc sử dụng cho mục đích khác trong công nghiệp thực phẩm. |
| 37 | G/SPS/N/UGA/216 | ATTP, BVTV | Uganda | 11/11/2022 | DUS 2037: 2022, Đặc điểm kỹ thuật - Kombucha, Ấn bản lần thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với Kombucha.  Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này cũng đã được thông báo cho Ủy ban TBT |
| 38 | G/SPS/N/CAN/1463 | ATTP, BVTV, TY | Canada | 07/11/2022 | Dề xuất mức giới hạn dư lượng tối đa: Florylpicoxamid (PMRL2022-19) | Tài liệu thông báo PMRL2022-19 là tham vấn về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với florylpicoxamid đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,02 | Trứng; mỡ, thịt và phụ phẩm thịt của gia súc, dê, ngựa, lợn, gia cầm và cừu; sữa | | 0,015 | Hạt cải dầu (phân nhóm cây trồng 20A) (sửa đổi) | | 0,01 | Đậu khô bóc vỏ, trừ đậu tương (phân nhóm cây trồng 6-21E); đậu Hà Lan khô bóc vỏ (nhóm cây trồng 6-21F); lúa mì (phân nhóm cây trồng 15-21A); củ cải đường. |   1ppm = 1 phần triệu  Có thể tìm thấy các mặt hàng có trong các nhóm/phân nhóm cây trồng được liệt kê trên trang web nhóm cây trồng có hóa chất tồn dư ([https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public /protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemo-crop-groups.html](https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public%20/protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemo-crop-groups.html)) trong phần Thuốc trừ sâu của trang web Canada.ca. |
| 39 | G/SPS/N/AUS/553 | BVTV, TY, QLCL, CN | Úc | 07/11/2022 | Tài liệu thảo luận - Tài trợ bền vững cho an toàn sinh học | Chính phủ Úc đang tìm cách thiết lập một mô hình tài trợ bền vững dài hạn để củng cố và hiện đại hóa hệ thống an toàn sinh học quốc gia của Úc.  Hệ thống an toàn sinh học của Úc cần phải có khả năng thích ứng, đáp ứng những thách thức mới và phản ứng nhanh chóng để duy trì mức độ bảo vệ thích hợp cần thiết.  Tài liệu thảo luận đã được phát hành để tìm kiếm quan điểm của các bên liên quan về các lựa chọn tài trợ cho hệ thống an toàn sinh học của Úc. |
| 40 | G/SPS/N/UKR/192 | TY, ATTP | Ucraina | 04/11/2022 | Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và thực phẩm Ucraina ngày 22 tháng 8 năm 2022 Số 595 "Về việc sửa đổi Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và thực phẩm Ucraina ngày 12 tháng 3 năm 2019 Số 118" "Về việc phê duyệt các yêu cầu về an toàn và chất lượng sữa và sản phẩm sữa" | Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và thực phẩm Ucraina ngày 22 tháng 8 năm 2022 Số 595 "Về việc sửa đổi Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và thực phẩm Ucraina ngày 12 tháng 3 năm 2019 Số 118" quy định về việc cải thiện các biện pháp đối với thực hành sản xuất tốt trong sản xuất và lưu thông sữa, đặc biệt là việc đưa ra các cơ chế rõ ràng để tiến hành nghiên cứu trong phòng thí nghiệm (thử nghiệm) về dư lượng và chất ức chế thuốc thú y, thiết lập tần suất và phương pháp thử nghiệm. Lệnh cũng nêu chi tiết các yêu cầu và tiêu chí về sự phù hợp của sữa có thể được sử dụng làm thực phẩm cho con người và việc xử lý sữa không đáp ứng các yêu cầu của Lệnh này. |
| 41 | G/SPS/N/UKR/191 | ATTP, BVTV, TY, CN, CT, QLCL | Ucraina | 04/11/2022 | Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với vật liệu và vật phẩm có chứa vinyl clorua có khả năng tiếp xúc với thực phẩm". | Dự thảo Lệnh quy định về việc phê duyệt các chỉ số an toàn đối với vật liệu và vật phẩm có chứa vinyl clorua có khả năng tiếp xúc với thực phẩm.  Các vật liệu và vật phẩm chứa monome vinyl clorua không vượt quá 1 mg/kg vật liệu hoặc vật phẩm.  Vật liệu và vật phẩm không được chuyển sang thực phẩm với bất kỳ vinyl clorua nào có thể phát hiện được bằng phương pháp đáp ứng các tiêu chí sau:  1. Mức vinyl clorua trong nguyên liệu, vật phẩm và mức vinyl clorua do nguyên liệu, vật phẩm giải phóng vào thực phẩm được xác định bằng phương pháp sắc ký pha khí;  2. Xác định vinyl clorua do nguyên liệu, vật phẩm giải phóng ra thực phẩm, giới hạn phát hiện là 0,01 mg/kg;  3. Vinyl clorua do nguyên liệu, vật phẩm giải phóng vào thực phẩm về nguyên tắc được xác định trong thực phẩm.  Dự thảo Lệnh được thiết kế để thực hiện Chỉ thị 78/142/EEC ngày 30 tháng 1 năm 1978 về việc áp dụng gần đúng luật pháp của các quốc gia thành viên liên quan đến các vật liệu và vật phẩm có chứa vinyl clorua có khả năng tiếp xúc với thực phẩm. |
| 42 | G/SPS/N/KOR/764 | ATTP | Hàn Quốc | 04/11/2022 | Đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm. | Hàn Quốc đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm".  1) Tiêu chuẩn chế phẩm enzym được xây dựng như sau:  - Thiết lập tiêu chuẩn sản xuất enzym cố định mới;  - Bổ sung chất chuẩn bảo quản và phân bổ enzym;  - Mức độ sử dụng chung cho enzym mới được thiết lập.  2) Tiêu chuẩn sử dụng methyl cellulose được sửa đổi:  Sử dụng ít hơn 2% trong thực phẩm → Việc sử dụng phụ gia thực phẩm nên được giới hạn ở mức tối thiểu cần thiết để đạt được các tác dụng vật lý, dinh dưỡng và các tác dụng kỹ thuật khác.  3) Các từ đồng nghĩa với 04 chất tạo hương tổng hợp sau được thêm vào: Fenchol, Geranyl acetone, 5-Methyl-2-hept-4-one, (E,Z)-3,6-Nonadien-1-ol.  4) Sửa đổi phương pháp phân tích đối với 10 phụ gia thực phẩm sau:  (6S)-5-Methyltetrahydrofolic acid, glucosamine salt; propyl gallate; calcium dihydrogen pyrophosphate; sodium alginate; sodium Aluminium phosphate, basic; sodium phosphate, basic; magnesium phosphate, basic; sodium phosphate, monobasic; ammonium phosphate, monobasic; tea Extract. |
| 43 | G/SPS/N/JPN/1138 | BVTV | Nhật Bản | 04/11/2022 | Đề xuất sửa đổi Pháp lệnh thi hành luật bảo vệ thực vật, các thông báo liên quan và các quy định chi tiết | Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) sẽ sửa đổi các bảng Phụ lục 1-2, 2 và 2-2 của Pháp lệnh thi hành luật bảo vệ thực vật và danh sách dịch hại không thuộc diện kiểm dịch để phản ánh Bộ luật Bảo vệ thực vật sửa đổi và bằng chứng khoa học mới nhất.  1) Tóm tắt các đề xuất sửa đổi - Phụ lục 1;  2) Đề xuất sửa đổi Bảng 1-2 của Pháp lệnh thi hành luật bảo vệ thực vật về danh mục thực vật và vật thể khác phải thực hiện các biện pháp KDTV cụ thể tại nước xuất khẩu - Phụ lục 2;  3) Đề xuất sửa đổi Bảng 2 Pháp lệnh thi hành luật bảo vệ thực vật về danh mục thực vật cấm nhập khẩu - Phụ lục 3;  4) Đề xuất sửa đổi Bảng 2-2 của Pháp lệnh thi hành luật bảo vệ thực vật về danh mục thực vật cấm nhập khẩu và các đối tượng khác (trừ thực vật/đối tượng khác đáp ứng yêu cầu) - Phụ lục 4;  5) Đề xuất sửa đổi danh mục dịch hại không thuộc diện kiểm dịch - Phụ lục 5.. |
| 44 | G/SPS/N/MAR/91 | BVTV | Morocco | 02/11/2022 | Dự thảo nghị định ban hành hướng dẫn áp dụng quy định của luật số 34-18 liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật | Dự thảo nghị định này, ban hành để áp dụng Luật số 34-18 liên quan đến các thuốc bảo vệ thực vật, nhằm mô tả các thủ tục thiết lập kế hoạch quản lý thuốc bảo vệ thực vật quốc gia:  1. Đơn xin phê duyệt hoạt chất, chất an toàn và chất hỗ trợ;  2. Đơn xin phép lưu hành thuốc bảo vệ thực vật và tá dược;  3. Đơn đề nghị cho phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật, tá dược;  4. Đơn đề nghị cho phép thực hiện hoạt động sản xuất, đóng gói lại, nhập khẩu, phân phối bán buôn, phân phối bán lẻ thuốc bảo vệ thực vật và tá dược cũng như cung cấp dịch vụ cho việc sử dụng chúng. |
| 45 | G/SPS/N/MAR/90 | ATTP, BVTV, TY, CN, CT, QLCL | Morocco | 02/11/2022 | Dự thảo Lệnh liên tịch của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản biển, Phát triển nông thôn, Nước, Lâm nghiệp và Bộ trưởng Bộ Y tế và Bảo trợ xã hội sửa đổi, bổ sung Lệnh liên tịch số 2300-17 ngày 11 Moharrem 1440 (ngày 21 tháng 9 năm 2018) đặt ra các đặc điểm về hiệu quả, độ tinh khiết của các sản phẩm tẩy rửa và các yêu cầu cũng như điều kiện sử dụng chúng trong các cơ sở và doanh nghiệp thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. | Lệnh này quy định các đặc điểm về hiệu quả và độ tinh khiết của các sản phẩm làm sạch và đặc điểm kỹ thuật cũng như điều kiện sử dụng chúng trong các cơ sở và các doanh nghiệp trong lĩnh vực thực phẩm và lĩnh vực thức ăn chăn nuôi.  Xem xét các bước của việc đăng ký các chất mới được sử dụng trong các sản phẩm làm sạch và khử trùng được sử dụng trong lĩnh vực chăn nuôi và công nghiệp thực phẩm. |
| 46 | G/SPS/N/BRA/2090 | ATTP, TY | Bra-xin | 02/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 730, ngày 01 tháng 7 năm 2022 | Nghị quyết này bao gồm các quy định về đánh giá rủi ro đối với sức khỏe con người bị ảnh hưởng bởi giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) của sản phẩm thuốc thú y trong thực phẩm có nguồn gốc động vật và phương pháp phân tích cho mục đích đánh giá sự phù hợp. |
| 47 | G/SPS/N/BRA/2089 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 02/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1120, ngày 13 tháng 10 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất C87: capsicum annuumvào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ thị quy phạm số 103 – ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU). |
| 48 | G/SPS/N/BRA/2088 | CT | Bra-xin | 02/11/2022 | Nghị quyết - RDC số 755, ngày 14 tháng 10 năm 2022 | Nghị quyết này cập nhật danh sách các thành phần được phép sử dụng trong sản xuất màng xenlulo tái sinh cho các thành phần chưa được hài hòa trong Cộng đồng thị trường Nam Hoa Kỳ. |
| 49 | G/SPS/N/UKR/190 | BVTV, TY, QLCL, CT | Ucraina | 01/11/2022 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu vệ sinh đối với các sản phẩm thực phẩm đông lạnh nhanh dành cho người tiêu dùng" | Lệnh dự thảo:  1) Đưa ra định nghĩa về các sản phẩm thực phẩm đông lạnh nhanh trong luật pháp của Ucraina;  2) Thiết lập các nguyên tắc chung mà các sản phẩm thực phẩm đông lạnh nhanh phải đáp ứng;  3) Xác định mức nhiệt độ phải được duy trì tại các cơ sở tham gia xử lý, bảo quản, lưu kho, vận chuyển và/hoặc lưu thông các sản phẩm thực phẩm đông lạnh nhanh;  4) Thiết lập các yêu cầu đối với thiết bị cấp đông và danh sách các chất đông lạnh (chất lỏng) được phép sử dụng để cấp đông nhanh các sản phẩm thực phẩm;  5) Quy định việc ghi nhãn các sản phẩm thực phẩm đông lạnh nhanh.  Các sản phẩm thực phẩm tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về an toàn và một số chỉ tiêu chất lượng thực phẩm có hiệu lực trước khi Lệnh này có hiệu lực, nhưng không đáp ứng các yêu cầu của lệnh này, có thể vẫn được áp dụng trong vòng ba năm sau khi lệnh này có hiệu lực. |
| 50 | G/SPS/N/NZL/701 | BVTV | Niu Di-lân | 01/11/2022 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu 155.02.05: Hạt giống để gieo | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu, mô tả các yêu cầu nhập khẩu đối với hạt giống để gieo hạt nhập khẩu vào Niu Di-lân. Bản sửa đổi bổ sung các biện pháp khẩn cấp đối với:  − *Xylella fastidiosa* trên tất cả *Carya* spp*.* đủ điều kiện nhập khẩu vào Niu Di-lân để làm giống gieo trồng; và  − *Ralstonia pseudosolanacearum* trên hạt *Arachis hypogaea* để gieo. |
| 51 | G/SPS/N/AUS/551 | TY | Úc | 01/11/2022 | Thông báo an toàn sinh học động vật: Xem xét các điều kiện nhập khẩu *Ehrlichia canis* đối với chó từ các quốc gia được phê duyệt | Ký sinh trùng đường máu gây bệnh cho chó *Ehrlichia canis* đã được phát hiện trên khắp nước Úc và hiện được coi là bệnh thông thường. Do đó, Úc đang cập nhật các điều kiện nhập khẩu đối với chó từ các quốc gia đã được phê duyệt. Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp đang loại bỏ yêu cầu xét nghiệm chó âm tính với *E. canis* trước khi nhập khẩu vào Úc, phù hợp với các nghĩa vụ thương mại quốc tế của Úc.  Các thay đổi đối với điều kiện nhập khẩu sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2022. |
| 52 | G/SPS/N/AUS/550 | CN, TY | Úc | 01/11/2022 | Thông báo về An toàn sinh học động vật 2022-A07 - Xử lý nhiệt như một biện pháp quản lý rủi ro đối với cá và các sản phẩm từ cá để sử dụng làm thức ăn cho thú cảnh và thức ăn chăn nuôi | Sau khi tham vấn cộng đồng về việc xem xét xử lý nhiệt theo quy định và xem xét thêm thông tin khoa học, các điều kiện nhập khẩu đã sửa đổi đối với cá và sản phẩm cá nhập khẩu vào Úc để sử dụng làm thức ăn cho thú cảnh và thức ăn chăn nuôi như sau:  • Nguyên liệu sản phẩm cá có nguồn gốc từ cá hồi để sử dụng làm thức ăn cho thú cảnh và thức ăn chăn nuôi phải được xử lý để đáp ứng các điều kiện sau:  o Làm nóng ẩm đến nhiệt độ lõi ít ​​nhất là 85 °C trong ít nhất 25 phút, hoặc đến nhiệt độ lõi và thời gian tương đương theo quy định.  o Các hạn chế hiện tại về tỷ lệ nguyên liệu cá hồi có trong các sản phẩm cá (không quá 2%) sẽ không còn được áp dụng.  • Sản phẩm cá chỉ chứa nguyên liệu là cá không phải cá hồi để dùng làm thức ăn cho thú cảnh và thức ăn chăn nuôi (không bao gồm sản phẩm cá không phải cá hồi có nguồn gốc từ Niu Di-lân) phải đáp ứng các điều kiện hiện có:  o Làm nóng ẩm đến nhiệt độ lõi trong ít nhất 85 °C trong ít nhất 15 phút hoặc ít nhất 80 °C trong ít nhất 20 phút hoặc đến nhiệt độ lõi và thời gian tương đương theo quy định.  • Tất cả các sản phẩm cá phải được chế biến và đóng gói tại cơ sở được phê duyệt và dưới sự kiểm soát của Cơ quan có thẩm quyền.  • Tất cả các sản phẩm cá phải được sản xuất từ ​​các thành phần không có nguồn gốc từ động vật trên cạn hoặc gia cầm. Điều này bao gồm các sản phẩm trứng, các sản phẩm từ sữa và lông vũ. |
| 53 | G/SPS/N/USA/3354 | ATTP, BVTV, CT | Hoa Kỳ | 31/10/2022 | Tiếp nhận một số đơn kiến nghị đã nộp về dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau; Thông báo nộp đơn yêu cầu và xin góp ý | Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ ban đầu của các kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau |
| 54 | G/SPS/N/JPN/1137 | ATTP, TY | Nhật Bản | 31/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:  Phụ gia thức ăn chăn nuôi: Enramycin |
| 55 | G/SPS/N/JPN/1136 | ATTP, TY | Nhật Bản | 31/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:  Phụ gia thức ăn chăn nuôi: Tiopronin. |
| 56 | G/SPS/N/JPN/1135 | ATTP, TY | Nhật Bản | 31/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:  Phụ gia thức ăn chăn nuôi: Sulfathiazole. |
| 57 | G/SPS/N/JPN/1134 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Nhật Bản | 31/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Nội dung thông báo: Đề xuất giới hạn mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau đây. Chỉ định Thuốc thú y Natri nifurstyrenate là thành phần của nông dược được quy định rằng “Không được phát hiện” trong thực phẩm. |
| 58 | G/SPS/N/JPN/1133 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Nhật Bản | 31/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Nội dung thông báo: Đề xuất giới hạn mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau đây. Chỉ định Thuốc thú y Roxarsone là thành phần của nông dược được quy định rằng “Không được phát hiện” trong thực phẩm. |
| 59 | G/SPS/N/JPN/1132 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Nhật Bản | 31/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Nội dung thông báo: Đề xuất giới hạn mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau đây. Chỉ định Thuốc thú y Nitarsone asan thành phần của nông dược được quy định rằng “Không được phát hiện” trong thực phẩm. |
| 60 | G/SPS/N/JPN/1131 | ATTP, TY, QLCL | Nhật Bản | 31/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:  Phụ gia thức ăn chăn nuôi: Glycalpyramide |
| 61 | G/SPS/N/JPN/1130 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 31/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:  Phụ gia thức ăn chăn nuôi: Diaveridine |
| 62 | G/SPS/N/JPN/1129 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 31/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:  Thuốc trừ sâu: Tolclofos-metyl |
| 63 | G/SPS/N/BDI/21,  G/SPS/N/KEN/174  G/SPS/N/RWA/14,  G/SPS/N/TZA/205  G/SPS/N/UGA/215 | BVTV | Tanzania | 31/10/2022 | DEAS 1101:2022 Yêu cầu về chứng nhận - Hạt giống sắn . Ấn bản đầu tiên. | Dự thảo Tiêu chuẩn của Đông Phi này quy định các yêu cầu chứng nhận đối với hạt sắn và được chứng nhận (*Manihot esculenta* Crantz). Bao gồm các yêu cầu đối với các giống đủ điều kiện, đơn xin chứng nhận, yêu cầu thực địa, kiểm tra thực địa, thu hoạch và cắt thân, đóng gói và dán nhãn. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho cây con nuôi cấy mô".  Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn của Đông Phi cũng đã được thông báo cho Ủy ban TBT. |
| 64 | G/SPS/N/USA/3353 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 28/10/2022 | Dung sai thuốc trừ sâu methoxyfenozide;. Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập các dung sai đối với dư lượng của methoxyfenozide trong hoặc trên nhiều loại cây trồng. |
| 65 | G/SPS/N/USA/3339 /Corr.1 | ATTP | Hoa Kỳ | 28/10/2022 | Quỹ Bảo vệ Môi trường, Maricel Maffini, Đối tác Phòng chống ung thư Vú, Hành động nước sạch/Quỹ nước sạch, Báo cáo của người tiêu dùng, Hiệp hội nội tiết, Nhóm công tác môi trường, Tương lai tươi sáng của những đứa trẻ, Linda Birnbaum, và Nicholas school của Đại học Duke; nộp đơn yêu cầu điều chỉnh về phụ gia thực Phẩm | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) sửa lỗi trong tiêu đề chủ đề và danh sách những người kiến nghị trong thông báo xuất hiện trong Sổ đăng ký Liên bang ngày 11 tháng 7 năm 2022. Tài liệu này sửa chữa các lỗi. |
| 66 | G/SPS/N/JPN/1128 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Nhật Bản | 28/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Việc thiết lập về miễn trừ yêu cầu MRL đối với dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Hương liệu hun khói sẽ được quy định là "Chất có trong thực phẩm không gây bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến sức khỏe". |
| 67 | G/SPS/N/JPN/1127 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 28/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau  Thuốc trừ sâu: Pyrifluquinazon |
| 68 | G/SPS/N/JPN/1126 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 28/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau  Thuốc trừ sâu: Mepanipyrim |
| 69 | G/SPS/N/JPN/1125 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 28/10/2022 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau  Thuốc trừ sâu: Fosthiazate |
| 70 | G/SPS/N/BRA/2084 | BVTV | Bra-xin | 28/10/2022 | Sắc lệnh SDA số 681, ngày 21 tháng 10 năm 2022. Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống của cây vinca (Catharanthus roseus), từ bất kỳ nguồn gốc nào | Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống (Nhóm 4) của cây vinca (Catharanthus roseus), từ bất kỳ nguồn gốc nào. |
| 71 | G/SPS/N/THA/589 | TY | Thái Lan | 26/10/2022 | Lệnh của DLD về việc tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và xác gia cầm từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của Cúm gia cầm độc lực cao (subtype H5N1) | Theo thông báo của Chính phủ Thái Lan ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và sản phẩm gia cầm từ Việt Nam đã hết hiệu lực vào ngày 13 tháng 10 năm 2022. Tuy nhiên WOAH thông báo dịch cúm gia cầm tiếp tục bùng phát gây bệnh cao (HPAI) tại Việt Nam. Vì vậy, Thái Lan cần ngăn chặn sự xâm nhập của bệnh cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) vào nước này. Theo Đạo luật Dịch tễ Động vật B.E. 2558 (2015), việc nhập khẩu gia cầm sống và xác gia cầm từ Việt Nam tiếp tục bị tạm ngừng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2022 trở đi trên Công báo Hoàng gia Thái Lan. |
| 72 | G/SPS/N/PRY/33 | ATTP, BVTV | Paraguay | 26/10/2022 | Nghị quyết "Tiêu chuẩn sử dụng clethodim 24% và giới hạn dư lượng tối đa (MRL) trong canh tác mè (Sesamum indicum) được phê duyệt" | Dự thảo nghị quyết đề xuất định mức sử dụng các sản phẩm kiểm dịch thực vật clethodim 24% được pha chế để trồng mè phải được ghi trên nhãn của các sản phẩm nói trên khi bán ở Paraguay và thiết lập giới hạn tối đa mức lượng dư (MRL) đối với clethodim trong mè. |
| 73 | G/SPS/N/PRY/32 | ATTP, BVTV | Paraguay | 26/10/2022 | Nghị quyết "Theo đó tiêu chuẩn sử dụng emamectin benzoate 10% và giới hạn dư lượng tối đa (MRL) trong canh tác mè (Sesamum indicum) được chấp thuận" | Dự thảo nghị quyết đề xuất phê duyệt tiêu chuẩn sử dụng các sản phẩm kiểm dịch thực vật có công thức 10% emamectin benzoat để trồng mè phải được ghi trên nhãn của các sản phẩm nói trên khi bán ở Paraguay và thiết lập mức dư lượng tối đa giới hạn (MRL) đối với emamectin benzoat trong mè. |
| 74 | G/SPS/N/NZL/699 | BVTV | Niu Di-lân | 26/10/2022 | Bộ Tiêu chuẩn của Bộ công nghiệp (MPI) 155.02.06: Nhập khẩu giống cây ươm | Tiêu chuẩn này mô tả các thông số kỹ thuật nhập khẩu và điều kiện nhập khẩu đối với cây giống (toàn bộ cây, củ và mô nuôi cấy) nhập khẩu vào Niu Di-lân. |
| 75 | G/SPS/N/MAR/89 | ATTP | Monaco | 26/10/2022 | Dự thảo sửa đổi và bổ sung Lệnh liên tịch số 1795-14 ngày 14 tháng 5 năm 2014 thiết lập danh sách và giới hạn đối với các chất phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong các sản phẩm chính và sản phẩm thực phẩm, cũng như thông tin hiển thị trên bao bì sản phẩm | Dự thảo sửa đổi và bổ sung Lệnh liên tịch số 1795-14 ngày 14 tháng 5 năm 2014 thiết lập danh sách và giới hạn đối với phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong các sản phẩm chính và sản phẩm thực phẩm, cũng như thông tin được hiển thị trên bao bì sản phẩm |
| 76 | G/SPS/N/CAN/1462 | ATTP, CT | Canada | 26/10/2022 | Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất phụ gia thực phẩm được phép với các công dụng được chấp nhận khác để mở rộng việc sử dụng canxi lactat và natri alginate trong sản xuất đồ uống có cồn không tiêu chuẩn | Cục Quản lý Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước thị trường đối với hai loại phụ gia thực phẩm xin cấp phép chấp thuận cho việc sử dụng chung canxi lactat và natri alginat để sản xuất các loại cocktail làm từ rượu whisky được đóng gói trong các khối cầu có màng liên kết với alginat canxi.  Canxi lactat và natri alginat đã là những chất phụ gia thực phẩm được phép sử dụng ở Canada.  Các kết quả đánh giá trước khi bán ra thị trường ủng hộ sự an toàn của canxi lactat và natri alginat trong hình cầu có màng bao bọc canxi alginat sản xuất các loại cocktail làm từ rượu whisky và các loại đồ uống có cồn không tiêu chuẩn khác. Do đó, Bộ Y tế Canada đã mở rộng việc sử dụng canxi lactat và natri alginat được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi danh sách các chất phụ gia thực phẩm được phép với các mục đích sử dụng được chấp nhận khác, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 10 năm 2022.  Mục đích của việc này là để thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của các phụ gia thực phẩm này. |
| 77 | G/SPS/N/JPN/1120 /Corr.1 | TY | Nhật Bản | 25/10/2022 | Sửa đổi danh sách các sinh vật sống được điều chỉnh theo Đạo luật về các loài ngoại lai xâm lấn | Bản đính chính này được ban hành để sửa mã HS của "*Procambarus clarkii*" được mô tả trong Mục 3 của thông báo G/SPS/N/JPN/1120 ngày 17 tháng 10 năm 2022 như sau: "*Procambarus clarkii* (mã HS: 0301.99)" nên đọc là " *Procambarus clarkii* (Mã HS: 0306) ”. |
| 78 | G/SPS/N/BDI/20,  G/SPS/N/KEN/172 G/SPS/N/RWA/13, G/SPS/N/TZA/204 G/SPS/N/UGA/214 | BVTV | Burundi | 25/10/2022 | DEAS 753: 2021, Yêu cầu chứng nhận - Khoai tây giống. Phiên bản đầu tiên 2022 | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu chứng nhận đối với tiền cơ bản hạt giống khoai tây, cơ bản và được chứng nhận (*Solanum tuberosum*). Bao gồm các yêu cầu đối với các giống đủ điều kiện, đơn xin chứng nhận, yêu cầu thực địa, kiểm tra thực địa, kiểm tra bảo quản, định cỡ và phân loại, đóng gói và dán nhãn. Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này cũng đã được thông báo cho Ủy ban TBT. |
| 79 | G/SPS/N/BDI/19,  G/SPS/N/KEN/171 G/SPS/N/RWA/12, G/SPS/N/TZA/203 G/SPS/N/UGA/213 | BVTV | Kenya | 25/10/2022 | DEAS 1035: 2020, Yêu cầu chứng nhận - Hạt giống chuối, Phiên bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi đang làm việc này quy định các yêu cầu để được chứng nhận đối với hạt giống chuối (*Musa* spp.). Áp dụng cho nuôi cấy mô, nhân giống vĩ mô và vật liệu trồng cây được sản xuất thông thường. Dự thảo Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu chứng nhận đối với giống chuối (loài *Musa* L.), cơ bản và được chứng nhận. Nó bao gồm các yêu cầu về nuôi cấy mô, nhân giống vĩ mô và chủng loại vật liệu trồng được sản xuất thông thường, giống đủ điều kiện, đơn xin chứng nhận, vườn ươm cụ thể và các yêu cầu thực địa, kiểm tra thực địa, kích thước của chồi non và cây con, giấy chứng nhận, đóng gói, dán nhãn và hậu kiểm các bài kiểm tra. |
| 80 | G/SPS/N/BDI/18,  G/SPS/N/KEN/170 G/SPS/N/RWA/11, G/SPS/N/TZA/202 G/SPS/N/UGA/212 | BVTV | Rwanda | 25/10/2022 | : DEAS 1099: 2022, Yêu cầu chứng nhận - Hạt cà chua, Phiên bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống tiền cơ bản, cơ bản và chứng nhận đối với hạt giống cà chua (*Solanum lycopersicum*), các giống đủ điều kiện, đơn xin chứng nhận, yêu cầu thực địa, kiểm tra thực địa, lấy mẫu, thử nghiệm trong phòng thí nghiệm, chứng chỉ, đóng gói, ghi nhãn , và các bài kiểm tra kiểm soát. Tiêu chuẩn này cũng áp dụng cho hạt giống sản xuất trong nước và hạt giống nhập khẩu |
| 81 | G/SPS/N/AUS/549 | BVTV | Úc | 25/10/2022 | Các sửa đổi đối với tuyên bố bổ sung đối với nấm và nấm cục (truffles) dùng cho người | Sau khi xem xét các loại nấm và nấm cục (truffles) dùng cho con người, Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp đã cập nhật văn bản trong tuyên bố bổ sung cần thiết để phản ánh việc quản lý an toàn sinh học đối với nấm cục.  Nấm cục hiện yêu cầu cần có một trong các khai báo bổ sung sau:  "Sản phẩm được thu hoạch trong tự nhiên và không được nuôi trồng" Hoặc "Sản phẩm được trồng trên giá thể hoàn toàn không chứa các sản phẩm động vật bao gồm các sản phẩm phụ và phân của động vật, và không bị ô nhiễm bởi các sản phẩm hoặc phân của động vật" hoặc "Sản phẩm được trồng trên giá thể được hấp tiệt trùng ở áp suất đo 105 kPa (15 psi) để đạt được nhiệt độ bề mặt tối thiểu là 121 °C trong 30 phút và sau đó không bị nhiễm phụ phẩm hoặc phân của động vật. " |
| 82 | G/SPS/N/AUS/548 | TY | Úc | 25/10/2022 | Đánh giá nguy cơ vi rút bệnh dại ở chó, mèo nhập khẩu và tinh dịch chó từ các quốc gia đã được phê duyệt - dự thảo báo cáo | Úc công bố bản dự thảo đánh giá nguy cơ vi rút dại ở chó và mèo nhập khẩu và tinh dịch chó từ các quốc gia được phê duyệt để lấy ý kiến công chúng vào ngày 20 tháng 10 năm 2022. Sẽ có thời gian tham vấn 30 ngày trước khi hoàn thành do tính chất nghiêm trọng của an toàn sinh học. Mời các bên liên quan đóng góp ý kiến về các khía cạnh kỹ thuật của các biện pháp được đề xuất trước ngày 21 tháng 11 năm 2022. |

**2. Danh sách các văn bản quy định về SPS có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt nội dung** |
| 1 | G/SPS/N/BRA/2063 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 18/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1107, ngày 4 tháng 8 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1107, ngày 4 tháng 8 năm 2022 - đã được trong G/SPS/N/BRA/2063 là đề xuất đưa vào hoạt chất A18 - abamectin, A26 - azoxystrobin, B55 - emamectin benzoate, C03 - carbaryl, C32 - clethodym, C40 - clorfenapyr, C55 - hợp chất gốc đồng, B61 - beta - cyfluthrin, F49 - Fludioxonil, G05.1 - Glufosinate của Amoni, H07 – methyl haloxyfop-p, I13 - imidacloprid, I15 - imazamoxy, L05 - lufenuron , M37 - mepiquat và T48 vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua là Hướng dẫn Quy phạm số 190, ngày 31 tháng 10 năm 2022. |
| 2 | G/SPS/N/BRA/2060 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 18/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1106, ngày 29 tháng 7 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết - RDC số 1106, ngày 29 tháng 7 năm 2022 - đã được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2060 đề xuất đưa hoạt chất A68: aminocyclopyrachloron vào fanh sách chuyên khảo các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn Quy phạm số 192, ngày 31 tháng 10 năm 2022 |
| 3 | G/SPS/N/BRA/2059 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 18/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1105, ngày 28 tháng 7 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết - RDC số 1105, ngày 28 tháng 7 năm 2022 - đã được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2059 đề xuất đưa hoạt chất D58: doryctobracon areolatus vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn quy phạm số 195, ngày 31 tháng 10 năm 2022. |
| 4 | G/SPS/N/BRA/2055 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 18/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1102, ngày 13 tháng 7 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1102, ngày 13 tháng 7 năm 2022 được thông báo trước trong G/SPS/N/BRA/2055 đề xuất đưa hoạt chất 67 – afidopyropen vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn Quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn Quy phạm số 193, ngày 31 tháng 10 năm 2022. |
| 5 | G/SPS/N/BRA/2054 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 18/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1103, ngày 13 tháng 7 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1103, ngày 13 tháng 7 năm 2022 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2054 đề xuất đưa hoạt chất A26 - azoxystrobin, B54 - bixafem, C38 - chlorfluazurom, C78 - citrus sinensis, D06 -deltamethrin, D17 - diflubenzuron, E05 - ethephon, E33 -spiropidione, F49 - fludioxonil, F72 - fluopyram, G05.1 -ammonium glufosinate, M52 -mefentrifuconazole, P53 -prothioconazole, P65 - pidiflumetofen, T19 - tricyclazole, T32 -tebuconazole và T54 - trifloxystrobin vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU -Diário Oficial da União), đã được thông qua là Hướng dẫn Quy phạm số 191, ngày 31 tháng 10 năm 2022. |
| 6 | G/SPS/N/BRA/2053 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 18/11/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1104, ngày 14 tháng 7 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết - RDC số 1104, ngày 14 tháng 7 năm 2022 được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2053 đề xuất đưa hoạt chất L07 – larrea tridentata vào danh sách Chuyên khảo về hoạt chất thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn quy phạm số 194, ngày 31 tháng 10 năm 2022. |
| 7 | G/SPS/N/USA/3169 /Add.1 | ATTP, CT | Hoa Kỳ | 16/11/2022 | Danh sách các chất phụ gia màu được miễn chứng nhận: Chiết xuất tảo xoắn; Quy tắc cuối cùng | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) đang sửa đổi các quy định về phụ gia màu để cung cấp cho việc mở rộng sử dụng an toàn chiết xuất tảo xoắn (*Arthrospira platensis*) làm phụ gia màu trong đồ uống có cồn với hàm lượng cồn dưới 20%, đồ uống không có cồn, gia vị và nước sốt, nước chấm, sản phẩm thay thế từ sữa (được xác định là sản phẩm thay thế sữa chua không sữa, món tráng miệng đông lạnh không từ sữa và bánh pudding không từ sữa), nước xốt salad và hỗn hợp gia vị (không đun nóng). Quy định này nhằm phản hồi lại đơn thỉnh cầu sử dụng phụ gia màu (CAP) do GNT USA, Inc. (GNT) đệ trình. |
| 8 | G/SPS/N/TPKM/593 /Add.1 | BVTV, QLCL, CT, TY | Đài Loan | 16/11/2022 | Những loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ ăn uống, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm được phân loại theo 14 mã CCC cụ thể | Hàng hóa được phân loại theo 14 mã CCC cụ thể sẽ tuân theo "Quy định kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm liên quan" nếu chúng được sử dụng cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ ăn uống, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm. Các nhà nhập khẩu sẽ nộp đơn xin kiểm tra cho Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Phúc lợi avf Y tế. |
| 9 | G/SPS/N/TPKM/588 /Add.1 | BVTV | Đài Loan | 11/11/2022 | Việc sửa đổi các tiểu đoạn 43 và 45, đoạn 1 Phần B của "Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thực vật hoặc sản phẩm thực vật" | Đài Loan đã thông báo dự thảo sửa đổi Tiểu đoạn 43 và 45, Đoạn 1 Phần B của "Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thực vật hoặc sản phẩm thực vật" vào ngày 4 tháng 7 năm 2022 (G/SPS/N /TPKM/588). Việc sửa đổi các yêu cầu kiểm dịch đối với các khu vực bị nhiễm vi rút vàng lá cà chua (*Tomato yellow leaf curl* virus và *Pepper chat fruit viroid)* đã được công bố vào ngày 10 tháng 11 năm 2022 và sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 2 năm 2023. |
| 10 | G/SPS/N/EU/592 /Add.1 | ATTP, TY | EU | 08/11/2022 | Mức tối đa của dioxins và dioxin-like PCBs trong một số loại thực phẩm | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/592 (24 tháng 8 năm 2022) hiện được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2022/2002 ngày 21 tháng 10 năm 2022 sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức độ tối đa của dioxins và dioxin-like PCBs trong một số loại thực phẩm (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 274, ngày 24 tháng 10 năm 2022, trang 64].  Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. |
| 11 | G/SPS/N/EU/567 /Add.1 | BVTV | EU | 08/11/2022 | Các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan *Anoplophora chinensis (*Forster*)* trong lãnh thổ của Liên minh | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/567 (ngày 18 tháng 5 năm 2022) hiện được thông qua bởi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2022/2095 ngày 28 tháng 10 năm 2022, thiết lập các biện pháp ngăn chặn việc xâm nhậpvà lây lan *Anoplophora chinensis (*Forster*)* trong lãnh thổ Liên minh và bãi bỏ Quyết định 2012/138/EU [OJ L 281, ngày 31 tháng 10 năm 2022, trang 53].  Quy định này sẽ có hiệu lực 20 ngày sau khi được đăng trên Công báo của Liên minh châu Âu và sẽ áp dụng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2029. |
| 12 | G/SPS/N/JPN/1021 /Add.1 | BVTV | Nhật Bản | 04/11/2022 | Sửa đổi biện pháp khẩn cấp ngăn chặn *Pepino mosaic virus* (PepMV) xâm nhập vào Nhật Bản thông qua việc nhập khẩu hạt giống và cây cà tím | PepMV là một trong những loài gây hại nghiêm trọng nhất đối với Nhật Bản dựa trên phân tích rủi ro dịch hại (PRA) của nước này. Để ngăn PepMV xâm nhập vào Nhật Bản, một tờ khai bổ sung phải được cung cấp trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu cây giống.  Nhật Bản tạm thời yêu cầu các quốc gia xuất khẩu tiến hành kiểm tra hạt giống/cây giống cà tím (*Solanum melongena*) và cung cấp xác nhận bổ sung trong giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật như một biện pháp khẩn cấp trên cơ sở Điều 5, khoản 7 của Hiệp định SPS, khi phát hiện PepMV từ hạt cà tím trong quá trình kiểm tra tại Nhật Bản (G/SPS/N/JPN/1021).  Nhật Bản đã tìm cách thu thập thêm bằng chứng khoa học, nhưng không có bằng chứng nào chỉ ra rõ ràng rằng cà tím là cây ký chủ của PepMV. Do đó, biện pháp khẩn cấp đối với các quốc gia cụ thể sẽ bị bãi bỏ và thông báo G/SPS/N/JPN/1021 sẽ bị rút vào ngày lưu hành thông báo này.  Các biện pháp kiểm dịch đối với cây ký chủ của PepMV như được nêu trong mục 25 của Phụ lục Bảng 2-2 của Pháp lệnh thi hành luật bảo vệ thực vật vẫn được giữ nguyên. |
| 13 | G/SPS/N/JPN/964 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 04/11/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho bentazone trongc thông báo G/SPS/N/JPN/964 (ngày 05 tháng 4 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 30 tháng 8 năm 2022.  MRL cụ thể trong đường link bên dưới: <https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22_7484_00_e.pdf> |
| 14 | G/SPS/N/JPN/963 /Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 04/11/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho flometoquin trong thông báo G/SPS/N/JPN/963 (ngày 05 tháng 4 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 30 tháng 8 năm 2022.  MRL cụ thể trong đường link bên dưới: <https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22_7483_00_e.pdf> |
| 15 | G/SPS/N/JPN/962 /Add.1 | ATTP, BVTV, QLCL | Nhật Bản | 04/11/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đê xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho metominostrobin trong thông báo G/SPS/N/JPN/962 (ngày 05 tháng 4 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 30 tháng 8 năm 2022.  MRL cụ thể trong đường link bên dưới: <https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22_7482_00_e.pdf> |
| 16 | G/SPS/N/JPN/961 /Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 04/11/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho 1-naphthaleneacetic acidtrong thông báo G/SPS/N/JPN/961 (ngày 05 tháng 4 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 30 tháng 8 năm 2022.  MRL cụ thể trong đường link bên dưới: <https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22_7481_00_e.pdf> |
| 17 | G/SPS/N/JPN/960 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 04/11/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho etoxazole trong thông báo G/SPS/N/JPN/960 (ngày 05 tháng 4 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 30 tháng 8 năm 2022.  MRL cụ thể trong đường link bên dưới: <https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22_7480_00_e.pdf> |
| 18 | G/SPS/N/JPN/959 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 04/11/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho triflumizoletrong thông báo G/SPS/N/JPN/959 (ngày 05 tháng 4 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 30 tháng 8 năm 2022.  MRL cụ thể trong đường link bên dưới: <https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22_7479_00_e.pdf> |
| 19 | G/SPS/N/JPN/958 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 04/11/2022 | Sửa đổi Pháp lệnh thực thi Đạo luật vệ sinh thực phẩm và các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... (quy tắc cuối cùng) | Việc cấp phép kali hydro cacbonat làm phụ gia thực phẩm và thiết lập các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn được thông báo trong G/SPS/N/JPN/958 (ngày 05 tháng 4 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 30 tháng 8 năm 2022.  <https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22_7477_00_e.pdf> |
| 20 | G/SPS/N/JPN/957 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY, CT | Nhật Bản | 04/11/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho permethrin trong thông báo G/SPS/N/JPN/957 (ngày 05 tháng 4 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 30 tháng 8 năm 2022.  MRL cụ thể trong đường link bên dưới: <https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22_7476_00_e.pdf> |
| 21 | G/SPS/N/CHL/702 /Rev.1/Add.3 | TY | Chile | 03/11/2022 | Sửa đổi Nghị quyết miễn trừ số 3.212/2022 thiết lập các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu các sản phẩm thịt chế biến từ gia súc, cừu, dê, lợn và gia cầm vào Chile; và bãi bỏ Nghị quyết miễn trừ số 2.602/2021 | Chile thông báo Nghị quyết miễn trừ số 6.166/2022 - sửa đổi Nghị quyết miễn trừ số 3.212/2022 thiết lập các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu các sản phẩm thịt chế biến từ gia súc, cừu, dê, lợn và gia cầm vào Chile; và bãi bỏ Nghị quyết miễn trừ số 2.602/2021, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 10 năm 2022. |
| 22 | G/SPS/N/USA/2502 /Add.10 | TY | Hoa Kỳ | 02/11/2022 | Thực hành sản xuất tốt hiện hành, phân tích mối nguy và kiểm soát phòng ngừa dựa trên rủi ro đối với thực phẩm dùng cho con người và thực hành sản xuất tốt hiện hành, phân tích mối nguy và kiểm soát phòng ngừa dựa trên rủi ro đối với thực phẩm cho động vật; Các chương trình chuỗi cung ứng và kiểm tra tại chỗ; Thông báo về ngày hiệu lực | Cục Quản lý thực phẩm và dược phẩm (FDA) sẽ công bố ngày có hiệu lực đối với các yêu cầu liên quan đến việc thiết lập và triển khai các chương trình chuỗi cung ứng, hồ sơ ghi lại các chương trình chuỗi cung ứng và kiểm tra tại chỗ theo hai quy tắc cuối cùng: i) Thực hành sản xuất tốt hiện hành, phân tích mối nguy và kiểm soát phòng ngừa dựa trên rủi ro đối với thực phẩm dùng cho con người; và ii) Thực hành sản xuất tốt hiện hành, phân tích mối nguy và kiểm soát phòng ngừa dựa trên rủi ro đối với thực phẩm cho động vật, xuất hiện trong sổ đăng ký Liên bang ngày 17 tháng 9 năm 2015.  Ngày có hiệu lực của các sửa đổi đối với 21 CFR 117.405(a)(2), 117.435(d) và 117.475(c)(2), được công bố trong Đăng ký Liên bang ngày 17 tháng 9 năm 2015 (80 FR 55908), là ngày 31 tháng 10 năm 2022.  Ngày có hiệu lực của các sửa đổi đối với 21 CFR 507.105(a)(2), 507.135(d) và 507.175(c)(2), được công bố trên Công báo Liên bang ngày 17 tháng 9 năm 2015 (80 FR 56170), là ngày 31 tháng 10 năm 2022. |
| 23 | G/SPS/N/TPKM/587 /Add.1 | ATTP, TY | Đài Loan | 01/11/2022 | Tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm và tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong sản phẩm động vật | Đài Loan đã đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm và tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong sản phẩm động vật vào ngày 24 tháng 6 năm 2022 (G/SPS/N/TPKM/587). Bản sửa đổi cuối cùng có hiệu lực vào ngày 01 tháng 11 năm 2022. |
| 24 | G/SPS/N/NZL/693 /Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 01/11/2022 | Đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu hạt giống để gieo trồng (155.02.05) | Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định  các biện pháp đang được áp dụng là:  − Loại bỏ các đối tượng dịch hại sau khỏi danh mục dịch hại và biện pháp phòng trừ: *Broad bean mottle virus, Cowpea severe mosaic virus, Pea early-browning virus, Peanut mottle virus* trên hạt *Phaseolus, Peanut mottle virus* và *Peanut stunt virus* trên hạt *Pisum.*  Thông tin cụ thể tại: <https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/NZL/22_7375_00_e.pdf> |
| 25 | G/SPS/N/NZL/688 /Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 01/11/2022 | Đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu hạt giống để gieo trồng (155.02.05) | Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định  các biện pháp đang được áp dụng là:  − Yêu cầu nhập khẩu đối với lô hạt giống số lượng nhỏ: Lô hạt giống có số lượng nhỏ của các loài đủ điều kiện nhập khẩu theo các yêu cầu cụ thể trong tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu đối với *Capsicum* (ớt tây), *Solanum* (chỉ riêng *Solanum melongena*) (cà tím), *Solanum lycopersicum* (cà chua) và *Zea* (ngô) có thể được kiểm tra dưới dạng mẫu tổng hợp để phát hiện sự có mặt của dịch hại kiểm dịch, ở nước ngoài trước khi xuất khẩu hoặc khi đến Niu Di-lân;  − Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với hạt *Raphanus sativus* (củ cải) để gieo trồng;  − Một lựa chọn để hạt *Phaseolus* (đậu) và *Pisum* (đậu) được kiểm tra sự hiện diện của dịch hại kiểm dịch trước khi xuất khẩu;  − Bổ sung giống *Matthiola incana* và *Cyperus papyrus* vào danh sách các loài được phép nhập khẩu dưới dạng hạt viên;  − Loại bỏ các loài dịch hại sau khỏi danh mục dịch hại và biện pháp phòng trừ: *Rhizopus maydis* và *Phaeocytostroma ambiguum* trên hạt *Zea* (ngô), *Cercospora loti* trên hạt *Lotus* (sen), *Peronosclerospora sorghi* và *Sclerospora graminicola* trên hạt *Panicum* (*panicum*). |
| 26 | G/SPS/N/JPN/953 /Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 26/10/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) cho Spinosad được thông báo trong G/SPS/N/JPN/953 (ngày 14 tháng 3 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 10 tháng 8 năm 2022 |
| 27 | G/SPS/N/CAN/927 /Rev.1/Add.1 | BVTV | Canada | 26/10/2022 | D-10-01: Dự thảo Yêu cầu chung về kiểm dịch thực vật đối với hạt tiêu tươi và quả cà chua nhập khẩu từ nước thứ 3 vào Canada có hiệu lực từ ngày 19 tháng 10 năm 2022- Bản sửa đổi lần thứ 3 | Thông báo này nhằm thông báo tới các Thành viên rằng các yêu cầu KDTV, đã được thông báo trong G/SPS/N/CAN/927/Rev.1 (ngày 5 tháng 8 năm 2021), có hiệu lực từ ngày 19 tháng 10 năm 2022. Trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi có hiệu lực của chỉ thị này, CFIA sẽ chấp nhận các tuyên bố bổ sung trước đó được chỉ ra trong lần sửa đổi thứ 2. Kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2022, chỉ những tuyên bố bổ sung được chỉ ra trong bản sửa đổi lần thứ 3 của chỉ thị sẽ được chấp nhận.  Những thay đổi đối với danh sách các quốc gia được phép xuất khẩu hạt tiêu tươi và quả cà chua có hiệu lực ngay lập tức. Các lô hàng đến Canada được chứng nhận xuất khẩu trước khi các yêu cầu kiểm dịch thực vật sửa đổi có hiệu lực sẽ được phép nhập cảnh. |
| 28 | G/SPS/N/JPN/954 /Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 25/10/2022 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) cho pyrantel/morantel được thông báo trong G/SPS/N/JPN/954 (ngày 14 tháng 3 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 10 tháng 8 năm 2022. |
| 29 | G/SPS/N/JPN/952 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 24/10/2022 | Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng). | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với sulfoxaflor được thông báo trong G/SPS/N/JPN/952 (ngày 14 tháng 3 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 10 tháng 8 năm 2022. |
| 30 | G/SPS/N/JPN/951 /Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 24/10/2022 | Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng). | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với pyraflufen-ethyl được thông báo trong G/SPS/N/JPN/951 (ngày 14 tháng 3 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 10 tháng 8 năm 2022. |
| 31 | G/SPS/N/JPN/950 /Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 24/10/2022 | Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng). | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với polyoxorim-kẽm được thông báo trong G/SPS/N/JPN/950 (ngày 14 tháng 3 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 10 tháng 8 năm 2022. |
| 32 | G/SPS/N/JPN/949 /Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 24/10/2022 | Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng). | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho phức hợp Polyoxin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/949 (ngày 14 tháng 3 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 10 tháng 8 năm 2022. |
| 33 | G/SPS/N/JPN/948 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 24/10/2022 | Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng). | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với Benthiavalicarb-isopropyl được thông báo trong G/SPS/N/JPN/948 (ngày 14 tháng 3 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 10 tháng 8 năm 2022. |

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ: http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien hoặc tham khảo trên: https://docs.wto.org